TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 01 - 2024
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thảo
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Hanh
2. Bà Nguyễn Thị Nghị

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1997 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn B, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06 tháng 11 năm 2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn B đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 6 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về ở và làm ăn chung với gia đình anh B. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 7 năm 2019, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay không dàn xếp gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Phùng Gia H, sinh ngày 04/02/2018, hiện nay đang ở với anh B. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giải quyết để anh B nuôi cháu H, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh B không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Bị đơn anh Phùng Văn B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh B cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Anh B không có yêu C phản tố. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh B không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do chị H cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, do cháu Phùng Gia H chưa đủ 07 tuổi nên không thuộc trường hợp Toà án phải lấy lời khai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H, cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Phùng Văn B; về con chung: Giao cháu Phùng Gia H cho anh B nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, đất canh tác: Chị H không yêu cầu và anh B vắng mặt không có quan điểm nên không xem xét; về công nợ: Không có; về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy đinh tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn anh Phùng Văn B có nơi cư trú tại thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý

giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Phùng Văn B, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án để giải quyết nên trong hồ sơ không có lời khai của anh B và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Bùi Thị H đã cung cấp, ghi đầy đủ đúng địa chỉ nơi cư trú của anh B cho Tòa án nhưng anh B cố tình giấu địa chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 29/12/2023, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Dương Thị P là mẹ anh B và bà P cam đoan thông báo ngay cho anh B nhưng anh B vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định hoãn phiên tòa cho bà Dương Thị P và bà P cam đoan thông báo ngay cho anh B. Tại phiên tòa hôm nay, anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phùng Văn B là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của chị H và anh B là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị H cương quyết xin ly hôn còn anh B vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời trình bày của chị H là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Dương Thị P là mẹ của anh B thể hiện tháng 7 năm 2019, giữa chị H và anh B đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị H và anh B không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Chị H và anh B mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Anh B đi làm thuê xa nhà từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, nhưng cụ thể anh B làm công việc gì, ở đâu thì bà P không biết vì nhiều lần bà P có hỏi nhưng anh B không nói. Có thời gian anh B làm ở thành phố V, tỉnh Phú Thọ, có thời gian anh B làm ở thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh B vẫn đang ở chung với gia đình bà P, khoảng 3-4 ngày thì anh B về nhà một lần. Khi anh B đi làm thì bà P là người trực tiếp trông cháu H. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà P cũng đã nhận thay anh B các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh B và bà P đều thông báo cho anh B được biết nhưng vì anh B bận đi làm để có thu nhập nuôi con nên anh B không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Anh B có nói với bà P là anh B đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng

nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức thì anh B không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh B cũng thể hiện anh B đã đi làm thuê xa nhà từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Địa phương không rõ anh B làm gì, ở đâu nhưng anh B vẫn thỉnh thoảng về gia đình tại thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Địa phương nhận thấy khả năng để chị H, anh B đoàn tụ là khó vì vợ chồng chị H, anh B ly thân đã gần 04 năm. Nay chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, có thể khẳng định vợ chồng chị H và anh B mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Anh B biết việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh B nhưng anh B cố tình không đến Tòa án để giải quyết. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa chị H và anh B không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã mâu thuẫn ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng chị H và anh B có 01 con chung là cháu Phùng Gia H, sinh ngày 04/02/2018, hiện nay đang ở với anh B. Ly hôn, chị H đề nghị Toà án giải quyết cho anh B nuôi cháu H, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của bà Dương Thị P (mẹ anh B), Hội đồng xét xử thấy rằng, anh B cũng có nguyện vọng xin được nuôi cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Cháu H chưa đủ 07 tuổi nên không thuộc trường hợp Tòa án phải lấy lời khai. Xét theo nguyện vọng của chị H và căn cứ vào lời khai của bà P (mẹ anh B) có căn cứ để xác định, anh B hiện đang đi làm thuê xa nhà nhưng vẫn thường xuyên về gia đình. Anh B có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu H và có đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu H nên cần giao cháu H cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị H xác nhận không có.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Phùng Văn B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Phùng Văn B.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Phùng Gia H, sinh ngày 04/02/2018 cho anh Phùng Văn B trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Bùi Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Chị Bùi Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006803 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phùng Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Thảo